

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-PT  
Ngày 09 – 01 – 2023  
Về việc tranh chấp quyền sử  
dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Lương

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Lê Minh Đạt

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2022/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 351/2022/QĐPT- DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** 1. Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1958; (có mặt)

2. Chị Võ Thị P, sinh năm 1978;

3. Chị Võ Thị N, sinh năm 1980;

4. Chị Võ Thị C, sinh năm 1983;

5. Chị Võ Thị Kim T, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà K: bà Lê Thị P, sinh năm 1955; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị P, chị N, chị C, chị T: bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật gia Dương Tiến N – thuộc Hội Luật gia Việt Nam tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ:* Ông Nguyễn Văn T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp x, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Huỳnh Thị K;

Bị đơn Nguyễn Thị Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn bà Huỳnh Thị K cũng như bà Lê Thị P là đại diện theo uỷ quyền của bà Huỳnh Thị K trình bày:*

Phần đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa 101, tờ bản đồ số 11, tọa lạc xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, diện tích qua đo đạc thực tế 317.7m<sup>2</sup>, có nguồn gốc của tập đoàn sản xuất cấp cho hộ gia đình bà Huỳnh Thị K vào năm 1980 (loại đất nông nghiệp trồng cây hằng năm). Thời điểm cấp hộ bà K có các nhân khẩu gồm bà K, ông Võ Văn H, chị Võ Thị P, chị Võ Thị N, chị Võ Thị C, Võ Thị Kim T. Sau khi được cấp đất, thì gia đình bà đào ao nuôi cá, trồng dừa, có một phần diện tích, bồi lấp bằng phẳng. Năm 1987, bà Nguyễn Thị Đ đến năn nỉ bà K cho bà Đ xin phần đất cát chòi ở tạm diện tích 40 – 50m<sup>2</sup>, thời gian 02 năm trả lại cho bà K. Sau đó ông Nguyễn Văn N làm chính quyền xã có xin bà K cho bà Đ ở thêm 01 năm nữa, bà K đồng ý cho ở thêm 01 năm nữa. Khi cho ở nhờ thì chỉ nói miệng, không có giấy tờ gì. Sau khi hết thời gian ở nhờ bà Đ không trả lại

đất cho bà K. Sau năm 1990, bà K có đòi lại đất cho bà Đ ở nhờ rất nhiều lần nhưng bà Đ không chịu di dời nhà trả đất. Khi có chủ trương đăng ký kê khai, bà K có đăng ký kê khai phần đất được cấp thửa đất số 101, tờ bản đồ số 11, trong đó có phần cho bà Đ ở nhờ. Năm 2013, bà K đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị bà Đ ngăn cản không cho bà Kịch làm sổ, đến nay bà K vẫn không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay các nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải di dời nhà cùng tài sản có trên đất trả lại cho các nguyên đơn, diện tích đất qua đo đạc thực tế 317.7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 101, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp Tân Thành, xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn đồng ý với kết quả đo đạc ngày 28/12/2018, kết quả định giá ngày 14/8/2019 làm cơ sở cho Tòa án giải quyết vụ kiện.

*Bà Huỳnh Thị K là đại diện theo ủy quyền của Võ Thị P, Võ Thị N, Võ Thị C, Võ Thị Kim T trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị P.

*Theo biên bản hòa giải ngày 15/03/2017, 15/12/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Phần đất tranh chấp bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 100, tờ bản đồ số 11, diện tích 135m<sup>2</sup> tọa lạc xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào năm 1998. Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là bà xin của ông Võ Văn Hòa là chồng bà Huỳnh Thị K, ông Hòa kêu cho bà phần đất nương, rạch chà là, nói bà khai phá được bao nhiêu thì sử dụng. Bà không làm nổi có kêu người phụ bà khai phá, sang lấp để cất nhà. Bà ở ổn định và khi Nhà nước kêu kê khai, đăng ký thì bà đi kê khai và được cấp sổ đỏ khoảng năm 1990, 1991. Bà đã sử dụng lâu năm, ở ổn định bà K yêu cầu bà di dời nhà trả đất bà không đồng ý. Bà đồng ý kết quả đo đạc làm căn cứ giải quyết vụ án, bà không đồng ý kết quả định giá, nhưng bà không yêu cầu định giá lại.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2020, ông Võ Văn H trình bày:*

Phần đất tranh chấp giữa bà K và bà Đ là do tập đoàn cấp cho gia đình ông năm 1981 là diện đất trồng dừa, cấp với diện tích 5 công (5.000m<sup>2</sup>) do gia đình ông không có nhận đất ruộng và kinh tế phụ. Sau khi cấp đất khoảng 01 năm do vợ chồng xích mích nên ông không có sống với bà K nữa, ông bỏ đi ghe lưới trong Cà Mau. Khi đó thì ông có thỉnh thoảng về thăm con. Đến năm 1983, ông cưới vợ khác, từ khi cưới vợ khác thì ông không còn chung sống với bà K nữa. Phần đất mà bà Đ đang ở là tập đoàn cấp cho gia đình ông, sau khi ông đi thì bà Đ có hỏi và

bà K cho ở nhờ chứ không có hỏi ông. Hiện trạng đất khi cấp là đất ruộng muối, ông không biết ai là người san lấp đất đó, phần bà Đ ở thì ông cũng không biết ai là người san lấp vì lúc đó ông không có ở đó. Ông đã có gia đình khác, phần đất tranh chấp giữa bà K và bà Đ thuộc thửa 101, tờ bản đồ 11, tọa lạc xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, tuy ông có phần được cấp trong đó nhưng ông để lại cho con ông không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2022/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri quyết định:

Căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 129, 197, 199, 221 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K, chị Võ Thị P, chị Võ Thị N, chị Võ Thị C, chị Võ Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả lại diện tích đất qua đo đạc thực tế 317.7m<sup>2</sup> (phần số 2 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 101, tờ bản đồ số 11 tọa lạc xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, nhưng được tính theo giá trị bằng tiền là 95.310.000đ (Chín mươi lăm triệu, ba trăm mười nghìn đồng). (có họa đồ kèm theo)

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi thực hiện nghĩa vụ trả tiền, bà Nguyễn Thị Đ được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế 317.7m<sup>2</sup> (phần số 2 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 101, tờ bản đồ số 11 tọa lạc xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 8 năm 2022, nguyên đơn bà Huỳnh Thị K kháng cáo một phần bản án Dân sự sơ thẩm số 71/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri theo hướng sửa án sơ thẩm buộc bà Đ phải di dời nhà trả lại đất cho bà sử dụng. Ngày 09/8/2022, bị đơn bà Nguyễn

Thị Đ kháng cáo một phần bản án Dân sự sơ thẩm số 71/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu công nhận phần diện tích đất 317,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 101, tờ bản đồ số 11 xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre cho bà Đặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về tranh chấp trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị K, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K, chị Võ Thị P, chị Võ Thị N, chị Võ Thị C, chị Võ Thị Kim T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả lại diện tích đất 317,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 101, tờ bản đồ số 11 tọa lạc xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre nhưng được tính theo giá trị bằng tiền là 69.894.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị K và bà Nguyễn Thị Đ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất diện tích 317,7 m<sup>2</sup> thuộc thửa 101, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc của tập đoàn sản xuất cấp cho hộ bà Huỳnh Thị K vào năm 1980 có ông Nguyễn Văn N1 là tập đoàn trưởng lúc bấy giờ xác nhận (BL 26). Bà K có đăng ký kê khai thửa đất 101 vào sổ mục kê, sổ địa chính tại xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre và trong quá trình sử dụng đất thì bà K có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước. Bà Đ cho rằng phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là bà xin ông Võ Văn H là chồng bà Huỳnh Thị K. Năm 1987, ông Hòa kêu cho bà phần đất mương, rạch chà là nói bà khai phá được bao nhiêu thì sử dụng. Bà đã kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 100, tờ bản đồ số 11 với diện tích 135m<sup>2</sup>. Lời khai của bà Đ không được ông Hòa thừa nhận và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 100 đã cấp cho bà Đ là không đúng, người sử dụng đất tại thửa 100 là ông Nguyễn Văn V nên Ủy ban nhân dân huyện Ba Tri đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Vì vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Đ cho rằng thửa đất hiện tại bà đang ở và tranh chấp với bà K là đã được cấp cho bà là không

có căn cứ. Qua các buổi hòa giải ngày 17/10/2013, ngày 05/11/2014, ngày 15/9/2016 tại UBND xã Tân Thủy, huyện Ba Tri; Biên bản lấy lời khai ngày 20/2/2017, ngày 11/6/2019, Biên bản hòa giải ngày 15/12/2020, bà Đ thừa nhận có xin bà K ở nhờ trên đất (BL 21-22, 27, 35-36, 76, 96, 118). Theo kết quả đo đạc thì diện tích đất tranh chấp 317,7m<sup>2</sup> (phần số 2 của họa đồ) thuộc thửa 101, tờ bản đồ số 11 có diện tích 317,7m<sup>2</sup>. Do đó, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa 101, tờ bản đồ số 11 là đất thuộc tập đoàn cấp cho gia đình của bà K nên buộc bà Đ trả lại phần đất tranh chấp này cho các nguyên đơn.

[2] Hiện tại ngoài phần đất đang tranh chấp, bà Đ không còn phần đất nào khác để ở được thể hiện qua biên bản xác minh ngày 22/10/2019. Để tạo điều kiện về chỗ ở cho bà Đ cần tiếp tục giao phần đất này cho bà Đ tiếp tục sử dụng là hợp lý. Bà Đ có nghĩa vụ hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà K. Theo kết quả định giá ngày 14/3/2019, phần đất cây lâu năm đang tranh chấp là 300.000 đồng/m<sup>2</sup>, đất chưa san lấp là 220.000 đồng/m<sup>2</sup> (các bên không yêu cầu định giá lại) (BL 116-117). Bà Đ quản lý sử dụng diện tích tranh chấp từ năm 1987 đến nay, đã có công bồi đắp, giữ gìn làm tăng giá trị đất và có yêu cầu nếu phải trả lại phần đất này cho bà K thì trả giá trị công sức bồi đắp cho bà. Cấp sơ thẩm căn cứ giá đất sau bồi đắp để định giá là chưa phù hợp. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của các bên nên cần lấy giá trị định giá đất chưa bồi đắp để buộc bà Đ có nghĩa vụ trả lại cho các nguyên đơn giá trị quyền sử dụng theo giá hội đồng định giá đã định là 220.000 đồng x 317,7m<sup>2</sup> = 69.894.000 đồng.

Từ những phân tích trên, thấy rằng bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ nhưng có điều chỉnh lại số tiền phải trả cho phù hợp, kháng cáo của bà K có căn cứ nên được chấp nhận một phần, kháng cáo của bà Đ là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị đưa ông T, ông H1 công tác ở Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân huyện vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, bà Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị K;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ;

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 71/2022/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 129, 197, 199, 221 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K, chị Võ Thị P, chị Võ Thị N, chị Võ Thị C, chị Võ Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả lại diện tích đất qua đo đạc thực tế 317.7m<sup>2</sup> (phần số 2 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 101, tờ bản đồ số 11 tọa lạc xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, nhưng được tính theo giá trị bằng tiền 69.894.000 đồng (Sáu mươi chín triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng). (có họa đồ kèm theo)

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi thực hiện nghĩa vụ trả tiền, bà Nguyễn Thị Đ được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế 317.7m<sup>2</sup> (phần số 2 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 101, tờ bản đồ số 11 tọa lạc xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo).

2. Chi phí tố tụng: 3.494.000 đồng (Ba triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Huỳnh Thị K, chị Võ Thị P, chị Võ Thị N, chị Võ Thị Kim T, chị Võ Thị C.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ được miễn nộp án phí.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị K, chị Võ Thị P, chị Võ Thị N, chị Võ Thị Kim T, chị Võ Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.649.000 đồng (Một triệu sáu trăm

bốn mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003701 ngày 29/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng bà được miễn do là người cao tuổi theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Nguyễn Hữu Lương**